

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông Nghiệp ; Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGÔ THỊ THANH TRÚC**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/03/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 135 B2 đường Mậu Thân, khu vực 5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: Số 135 B2 đường Mậu Thân, khu vực 5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại di động: 0949438991; E-mail: ntttruc@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9/2002 đến tháng 3/2004: Tập sự nghiên cứu viên, Bộ môn Môi trường và Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng, trường Đại học Cần Thơ

- Từ tháng 4/2004 đến tháng 01/2012: Giảng viên, Bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

- Từ tháng 6/2007 đến tháng 5/2011: Học tiến sĩ ở Philippines

- Từ tháng 01/2013 đến tháng 03/2015: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).

- Từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2018: Giảng viên, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).
- Từ tháng 4/2018 đến tháng 5/2018: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).
- Từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2021: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2017 – 2022).
- Từ tháng 7/2021 đến nay: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2020 – 2025).

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu II, trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 02923 838831

Điện thoại di động: 0949438991; E-mail: ntttruc@ctu.edu.vn

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 09 năm 2001; số văn bằng: B305947; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Ngoại thương; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ

- Được cấp bằng ThS ngày 05 tháng 04 năm 2006; số văn bằng: A020168; ngành: Khoa học môi trường; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Cần Thơ

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 04 năm 2011; văn bằng:; ngành: Khoa học môi trường; chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng TS: Đại học Philippines Los Baños, Philippines.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trước khi được công nhận tiến sĩ: Hướng nghiên cứu tập trung vào đánh giá tác động và phân tích hiệu quả môi trường, kinh tế và xã hội các hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). Mục tiêu nghiên cứu nhằm tìm ra bằng chứng, cơ sở để hướng các hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng ở ĐBSCL đạt hiệu quả môi trường, kinh tế và xã hội, hướng tới nền sản xuất nông nghiệp bền vững, sử dụng hiệu

quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và góp phần tăng thu nhập cho người dân ở ĐBSCL.

Sau khi được công nhận tiến sĩ:

Hướng nghiên cứu 1) Tiếp tục hướng nghiên cứu về đánh giá tác động và phân tích hiệu quả môi trường, kinh tế và xã hội của các hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng ở ĐBSCL nhằm hướng tới sử dụng tài nguyên bền vững và bảo vệ môi trường. Các nghiên cứu tập trung vào các nguồn sinh khối (biomass) chưa được sử dụng hiệu quả như rơm, trấu, chất thải chăn nuôi heo, các kỹ thuật sản xuất có thể mang lại cả hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường, giải pháp để ứng phó với điều kiện môi trường cực đoan (hạn, ngập, mặn) và suy thoái môi trường.

Hướng nghiên cứu 2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi (quyết định) và ý định áp dụng hay sử dụng các kỹ thuật mới, các giải pháp nhằm ứng phó với môi trường cực đoan, suy thoái môi trường và sản xuất an toàn và bền vững. Đây là cơ sở để hiểu được thái độ, ý định và hành vi của người sử dụng tài nguyên và kỹ thuật, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển giao khoa học kỹ thuật, các kỹ thuật mới và giải pháp trên đến các Sở ban ngành và người sử dụng cuối cùng nhanh hơn và hiệu quả hơn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 11 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + 02 đề tài cấp sở sở Trường Đại học Cần Thơ;
 - + 01 đề tài cấp Bộ;
 - + 02 đề tài quốc tế
- Đã công bố 27 bài báo khoa học, trong đó
 - + 07 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín (Scopus, WoS, ESCI) với 05 bài báo khoa học là tác giả chính và 02 bài báo khoa học là đồng tác giả;
 - + 13 bài báo khoa học tiếng Anh và 14 bài báo tiếng Việt;
 - + Tất cả các bài báo khoa học được công bố sau khi tốt nghiệp tiến sĩ.
- Đã xuất bản 13 chương sách tham khảo phục vụ đào tạo (thuộc 08 quyển sách), trong đó
 - + 03 chương của 02 quyển sách xuất bản tại nhà xuất bản có uy tín (Springer);
 - + 06 chương sách tiếng Anh và 07 chương sách tiếng Việt
 - + 03 chương sách xuất bản trước khi tốt nghiệp tiến sĩ và 10 chương sách xuất bản sau khi tốt nghiệp tiến sĩ.

15. Khen thưởng:

- Tuyên dương cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác kiểm định chất lượng theo chuẩn AUN bậc đại học ngành Kinh tế nông nghiệp (Quyết định số 531/KT, 18/11/2013).
- Vinh danh nữ viên chức là tiến sĩ trẻ (Quyết định số 5564/QĐ-ĐHCT, 15/10/2014).
- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2013-2014 (Quyết định số 2199/QĐ-ĐHCT, 01/07/2014).
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2014-2015 (Quyết định số 2502/QĐ-ĐHCT, 13/07/2015).

- Danh hiệu Lao động Tiên tiến 2015-2016 (Quyết định số 3211/QĐ-ĐHCT, 16/08/2016).
- Danh hiệu Lao động Tiên tiến 2016-2017 (Quyết định số 2756/QĐ-ĐHCT, 15/08/2016).
- Danh hiệu Lao động Tiên tiến 2017-2018 (Quyết định số 3620/QĐ-ĐHCT, 22/08/2018).
- Danh hiệu Lao động Tiên tiến 2018-2019 (Quyết định số 3454/QĐ-ĐHCT, 21/08/2019).
- Danh hiệu Lao động Tiên tiến 2019-2020 (Quyết định số 2191/QĐ-ĐHCT, 21/08/2020).
- Danh hiệu Lao động Tiên tiến 2020-2021 (Quyết định số 3859/QĐ-ĐHCT, 11/10/2021).

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên tự đánh giá bản thân như sau:

- Luôn có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng.
- Trong công việc, ứng viên luôn tâm huyết và nỗ lực với nghề nghiệp, giữ gìn danh dự, lương tâm và đạo đức nhà giáo.
- Luôn có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; đánh giá công bằng và đúng năng lực của người học; tôn trọng nhân cách, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học và đồng nghiệp.
- Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của nhà trường và của ngành.
- Có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.
- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên và các nhiệm vụ khác được giao.
- Không đang trong thời gian bị kỷ luật.

Với những kết quả nêu trên, ứng viên tự đánh giá bản thân đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2022.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 9 tháng được tính từ khi được công nhận vào ngạch giảng viên tháng 9/2004 đến tháng 6/2022 không bao gồm 04 năm đi học tiến sĩ ở nước ngoài (6/2007 – 5/2011). Thông tin về đào tạo đại học và cao học của 6 năm từ 2016-2017 đến 2021 – 2022 (ngày 30/6/2022, hạn nộp hồ sơ) như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016 – 2017				10	330	45	375/766/230
2	2017 – 2018			2	10	270	135	405/853/230
3	2018 – 2019			2	10	255	45	300/597/230

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
03 năm học cuối								
4	2019 – 2020			4	10	180	90	270/627/230
5	2020 – 2021			1	17	315	90	405/984/238
6	2021 – 2022			2	19	255	45	300/850/238

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Anh tại Trường Đại học Philippines Los Baños tại Philippines năm 2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác

3.2. Tiếng Anh: chứng chỉ C tiếng Anh do trường Đại học Cần Thơ cấp.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Hường Dương		X	X		08/2014-07/2017	Trường Đại học Cần Thơ	18/08/2017
2	Trần Thanh Tuyền		X	X		12/2016-10/2017	Trường Đại học Cần Thơ	15/11/2017
3	Nguyễn Trung Tiên		X	X		07/2017-10/2018	Trường Đại học Cần Thơ	01/11/2018

4	Dương Minh Toàn		X	X		09/2015-10/2018	Trường Đại học Cần Thơ	01/11/2018
5	Trần Minh Quân		X	X		12/2016-10/2019	Trường Đại học Cần Thơ	11/11/2019
6	Đoàn Ngọc Trinh		X	X		12/2017-10/2019	Trường Đại học Cần Thơ	11/11/2019
7	Lê Ngô Như Tuyên		X	X		09/2018-10/2019	Trường Đại học Cần Thơ	11/11/2019
8	Triệu Ngọc Lợi		X	X		12/2018-05/2020	Trường Đại học Cần Thơ	09/06/2020
9	Nguyễn Thị Nhi		X	X		12/2017-10/2020	Trường Đại học Cần Thơ	11/11/2020
10	Đoàn Trần Oanh Bảo		X	X		12/2018-08/2021	Trường Đại học Cần Thơ	23/08/2021
11	Lê Đăng Khoa		X	X		12/2018-08/2021	Trường Đại học Cần Thơ	23/08/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Ứng viên tham gia biên soạn 13 chương sách thuộc 08 quyển sách chuyên khảo phục vụ đào tạo. Trong đó: 03 chương (TT 4, 5 và 6) là chương sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (Spinger), mà ứng viên là đồng tác giả.

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Bases for Territory – based Rural Development in the Mekong Delta, Vietnam	CK	Agricultural Publishing House. Mã số: 862009/CXB/466-02/NN	Nhiều tác giả		Đồng tác giả Chapter 3. Identification about rural issues in the Mekong River Delta. Part A. The challenges. 3.3. Managing the natural heritage Trang 100-143	Giấy xác nhận số 1911/GXN-ĐHCT, 27/06/2022

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
2	Based for small and medium sized enterprises and farming household development in the Mekong Delta	CK	Vietnam Education Publishing House Mã số: 8Z067C8-CNC	Nhiều tác giả	Mai Văn Nam	Tác giả chính Agricultural Development and Natural Resource Degradation: An Environmental Review. Trang 242-275 (02 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 1912/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
3	Based for small and medium sized enterprises and farming household development in the Mekong Delta.	CK	Vietnam Education Publishing House Mã số: 8Z067C8-CNC	Nhiều tác giả	Mai Văn Nam	Đồng tác giả A comparative study of “three reductions three gains” and popular rice production models in the Mekong Delta. Trang 493-529	Giấy xác nhận số 1912/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
II	Sau khi được công nhận TS						
4	Cost-Benefit Studies of Natural Resource Management in Southeast Asia	CK	Nhà xuất bản Springer ISBN: 978-981-287-392-7 (Print) 978-981-287-393-4 (Online)	Nhiều tác giả	David James and Herminia A. Francisco	Đồng tác giả Chapter 8. Environmental Consequences of and Pollution Control Options for Pond “Tra” Fish Production in Thotnot District, Can Tho City, Vietnam. Trang 157-175 (02 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 1914/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
https://doi.org/10.1007/978-981-287-393-4_8							

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
5	Sustainable rice straw management	CK	Nhà xuất bản Springer ISBN: 978-3-030-32372-1	Nhiều tác giả	Martin Gummer, Nguyen Van Hung, Pauline Chiveng, Boru Douthwaite	Đồng tác giả Chapter 6. Rice-straw mushroom production. Trang 93-109 (11 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 1915/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
						https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-32373-8_6 https://library.oapen.org/viewer/web/viewer.html?file=/bitstream/handle/20.500.12657/22844/1007317.pdf?sequence=1&isAllowed=y	
6	Sustainable rice straw management	CK	Nhà xuất bản Springer ISBN: 978-3-030-32372-1	Nhiều tác giả	Martin Gummer, Nguyen Van Hung, Pauline Chiveng, Boru Douthwaite	Đồng tác giả Chapter 11. Rice Straw Value Chains and Case Study on Straw Mushroom in Vietnam's Mekong River Delta. Trang 175-192 (03 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 1916/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
						https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-32373-8_11 https://library.oapen.org/viewer/web/viewer.html?file=/bitstream/handle/20.500.12657/22844/1007317.pdf?sequence=1&isAllowed=y	
7	Phát triển kinh tế Đồng Bằng Sông Cửu Long: Thành tựu và thách thức	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-965-919-638-6	Nhiều tác giả	Võ Thành Danh	Đồng tác giả Chương 9. Giá trị kinh tế của sản phẩm môi trường Trang 176-195	Giấy xác nhận số 1917/GXN-ĐHCT, 27/06/2022

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
8	Phát triển kinh tế Đồng Bằng Sông Cửu Long: Thành tựu và thách thức	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-965-919-638-6	Nhiều tác giả	Võ Thành Danh	Tác giả chính Chương 10. Định giá kinh tế các tác động môi trường và chính sách Trang 196-216	Giấy xác nhận số 1917/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
9	Chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-965-397-1	Nhiều tác giả	Võ Thành Danh	Tác giả chính và chủ biên Chương 7. Chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long Trang 160-181	Giấy xác nhận số 1918/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
10	Môi trường và nông nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long: Phân tích kinh tế	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-965-601-1	Nhiều tác giả	Võ Thành Danh	Tác giả chính Chương 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận áp dụng mô hình biogas – thực vật. Trang 66-83	Giấy xác nhận số 1919/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
11	Môi trường và nông nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long: Phân tích kinh tế	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-965-601-1	Nhiều tác giả	Võ Thành Danh	Đồng tác giả Chương 8. Hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa Trang 128-139	Giấy xác nhận số 1919/GXN-ĐHCT, 27/06/2022

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
12	Tác động của xâm ngập mặn đến các mô hình sử dụng đất vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-965-669-9	Văn Phạm Đăng Trí, Võ Thành Danh và Ngô Thị Thanh Trúc	Lê Tấn Lợi	Tác giả chính Chương 2. Chiến lược sinh kế thích ứng với xâm ngập mặn đến thu nhập hộ trồng măng cụt và lúa tại tỉnh Bến Tre. Trang 28-38	Giấy xác nhận số 1920/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
13	Tác động của xâm ngập mặn đến các mô hình sử dụng đất vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-965-669-9	Văn Phạm Đăng Trí, Võ Thành Danh và Ngô Thị Thanh Trúc		Đồng tác giả Chương 3. Phân tích hiệu quả kinh tế các hộ trồng lúa ở Bến Tre. Trang 39-47	Giấy xác nhận số 1920/GXN-ĐHCT, 27/06/2022

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Ứng viên đã hoàn thành 05 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

- + 02 đề tài cấp sở Trường Đại học Cần Thơ;
- + 01 đề tài cấp Bộ
- + 02 đề tài quốc tế

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Phân tích hiệu quả kinh tế các hình thức sử dụng trấu ở Đồng bằng sông Cửu Long	CN	T51/2015 Cấp cơ sở (ĐHCT)	2015-2016	21/09/2016 Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	Phát triển nông nghiệp và vấn đề suy thoái tài nguyên thiên nhiên ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	CN	TCN2016-26 Cấp cơ sở (ĐHCT)	2016	21/06/2016 Tốt
3	Lồng ghép giới trong nghiên cứu phát triển bền vững chuỗi giá trị nhãn Idor ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	CN	B2019-TCT-07 Cấp bộ	2019-2022	20/6/2022 Đạt
4	Du lịch có đóng góp vào bảo tồn đa dạng sinh học và phúc lợi kinh tế cộng đồng tại vườn quốc gia Tràm Chim, Việt Nam không? (Does Tourism Contribute to the Biodiversity Conversation and Community Well-being in Tram Chim National Park, Vietnam?)	CN	DAKT062017 Cấp quốc tế	2015-2016	2017 Hoàn thành
5	Lồng ghép giới và phân tích chuỗi giá trị để phát triển sản xuất nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long: Tình huống ở huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (Including gender issues and value chain analysis to develop straw mushroom production in the Mekong Delta: Case study Vinh Loi district, Bac Lieu province)	CN	ASPHIL00618NCKT Cấp quốc tế	2015-2016	2017 Hoàn thành

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Farmers' Awareness and Factors Affecting Adoption of Rapid Composting in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines	6	X	Journal of Environmental Science and Management ISSN 0119-1144	WoS, Scopus, Q4, SJR2012 = 0,124	27	15, 2, 59-73	2012
https://www.researchgate.net/profile/Florencia-Palis/publication/285840162_Farmers'_Awareness_and_Factors_Affecting_Adoption_of_Rapid_Composting_in_Mekong_Delta_Vietnam_and_Central_Luzon_Philippines/links/576de90408ae10de6395d6c3/Farmers-Awareness-and-Factors-Affecting-Adoption-of-Rapid-Composting-in-Mekong-Delta-Vietnam-and-Central-Luzon-Philippines.pdf								
2	Methane generation from untreated rice straw used as ruminant feeds: A comparative assessment of methane emission from rice straw by different utilization methods	3	X	Agricultural Publishing House ISBN: 978-604-60-0055-6			Trang 590-596	2012
3	Farmers' Awareness and Factors Affecting Farmers' Acceptance to Grow Straw Mushroom in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines	4	X	International Journal of Environment and Rural Development Print ISSN: 2185-159X Online ISSN: 2433-3700		5	4, 2, 179-184	2013
http://iserd.net/ijerd42/IJERD42.pdf#page=184								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
4	Factors Affecting Householders' Acceptance to Adopt Reduce, Reuse and Recycle-3Rs Program in Domestic Waste Management in Mekong Delta, Vietnam	2	X	International Journal of Environmental and Rural Development Print ISSN: 2185-159X Online ISSN: 2433-3700			7, 2, 162-168	2016
http://www.iserd.net/wordpress/wp-content/uploads/2017/09/7-2-26.pdf https://www.jstage.jst.go.jp/article/ijerd/7/2/7_162/_pdf/-char/ja								
5	Factors Influencing the Adoption of Small-scale Biogas Digesters in Developing Countries – Empirical Evidence from Vietnam	4	X	International Business Research ISSN: 1913-9004, E-ISSN: 1913-9012		5	10, 2, 1-8	2017
https://www.academia.edu/download/71669793/12a36c9fcba33d4639082de63c982452338a.pdf								
6	A social cost-benefit analysis of biogas technologies using rice straw and water hyacinths as feedstock	3		International Energy Journal ISSN:1513-718X	WoS, Scopus, Q3, SJR2018=0,24	5	18, 4, 311-320	2018
http://www.rericjournal.ait.ac.th/index.php/reric/article/view/1825/687 doi:10.5539/ibr.v10n2p1 http://dx.doi.org/10.5539/ibr.v10n2p1								
7	Proposed program on improving domestic solid waste management through segregation of waste at source: An empirical research in Mekong Delta, Vietnam	2	X	The UHD-CTU-UEL International Economics and Business Conference 2018 ISSN: 2472-9329 (Print) and 2472-9310 (Online)			Trang 58-67	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://scholar.google.com/citations?view_op=view_citation&hl=vi&user=mj6x3kEAAA AJ&citation_for_view=mj6x3kEAAA AJ:ufrVoPGSRksC							
8	Quantification of direct and indirect greenhouse gas emissions from rice field cultivation with different rice straw management practices—A study in the autumn-winter season in An Giang Province, Vietnam	6	X	Journal of Vietnamese Environment ISSN: 2193-6471			10, 1, 49-55	2018
	https://journals.qucosa.de/jve/article/view/211/209							
9	The Tourism–Poverty Nexus: Does Tourism Spending Influence Poverty Rates? Empirical Evidence from Regional Vietnamese Data	2	X	Journal of Poverty Print ISSN: 1087-5549 Online ISSN: 1540-7608	WoS, Scopus, Q2, IF=1,71, SJR2021=0,378		Trang 1-13	2021
	https://doi.org/10.1080/10875549.2021.2010870 https://www.tandfonline.com/loi/wpov20							
10	Farmers' behavior and intention to adopt integrated pest management in fruit: Case study in Vietnam	3	X	Journal of the Austrian Society of Agricultural Economics ISSN: 1815-8129 E-ISSN: 1815-1027	Scopus, Q4, SJR2021=0,12		17, 11, 755-769	2021
	https://www.sagepublisher.com/volume/JASAE/17/11/farmers-behavior-and-intention-to-adopt-integrated-pest-management-in-fruit-case-study-in-vietnam-61b6bdcc566b9.pdf							
11	Impact of saltwater intrusion on relation to fruit growing households in Ben Tre, Vietnam	2	X	Agricultural and Resource Economics: International Scientific E-Journal ISSN: 2414-584X	ESCI, Scopus		8, 1, 133-151	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://doi.org/10.51599/are.2022.08.01.07 https://are-journal.com/are/article/view/513/331							
12	Impacts of adopting specialized agricultural programs relying on “good practice”– Empirical evidence from fruit growers in Vietnam	2	X	Open Agriculture ISSN: 2391-9531	WoS, Q2, SJR2021=0, 305		7, 1, 39-49	2022
	https://doi.org/10.1515/opag-2022-0069 https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/opag-2022-0069/html?lang=en							
13	Analysis of factors affecting the consumption intention of processed sea crabs in big cities in Vietnam	2		Journal of the Austrian Society of Agricultural Economics ISSN: 1815-8129	Scopus, Q4, SJR2021= 0,12		18, 1, 841-849.	2022
	https://www.sagepublisher.com/volume/JASAE/18/01/analysis-of-factors-affecting-the-consumption-intention-of-processed-sea-crabs-in-big-cities-in-vietnam-61f22688bbca1.pdf							
14	Phân tích ảnh hưởng của tín dụng chính thức đến thu nhập của hộ nghèo ở tỉnh Hậu Giang.	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phát triển kinh tế - xã hội Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 2015 Tổ chức tại Trường Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-919-513-6			Trang 221-238	2015
15	Hiệu quả kinh tế sản xuất nấm rơm (<i>Volvariella Volvacea</i>) ngoài trời ở Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004		1	15, 1, 118-127	2017
	http://www1.vnua.edu.vn/tapchi/Upload/1-2017/14.pdf							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16	Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh: Nghiên cứu trường hợp tại trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	2		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004			15, 8, 1115- 1126	2017
http://www1.vnua.edu.vn/tapchi/upload/8-2017/14.pdf								
17	Phát triển du lịch học tập của sinh viên tại Trung tâm Nông nghiệp Mùa xuân và Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Số Chuyên đề Môi trường và Biến đổi khí hậu ISSN: 1859 - 2333			55, 1, 102-108	2019
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/3516/303								
18	Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ cua biển ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo. ISSN: 0866 - 7120			15, 2-15	2019
https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-15-697-17709.html								
19	Phương pháp tiếp cận chuỗi cung ứng ngành hàng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long.	2		Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			726, 155- 158	2020
http://epaper.tapchitaichinh.vn/2020/2020TCTCK1T4/mobile/index.html								
20	Lựa chọn mô hình sản xuất của hộ trồng lúa trong điều kiện xâm nhập mặn: trường hợp Cà Mau và Sóc Trăng.	6		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 - 2333			57, 5D, 271-280	2021
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4078/3999								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
21	Ứng dụng mô hình đánh giá tổng hợp DPSIR trong nghiên cứu thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở đồng bằng sông Cửu Long.	5		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ Số Chuyên đề Môi trường và Biến đổi khí hậu ISSN: 1859 - 2333			57, 1, 108-120	2021
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4133/4042								
22	Hiệu quả kinh tế sản xuất nấm rơm ở đồng bằng sông Cửu Long	5		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 – 2333			57, 2D, 211-219	2021
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/3874/3862								
23	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình nuôi cua-tôm quảng canh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.	3		Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ISSN: 1859 – 4581			14, 105-112	2021
https://khoaktdl.vnkgu.edu.vn/admin/pages/public/files/nckh/1641980609.pdf								
24	Ảnh hưởng của chương trình VietGAP đến hiệu quả sản xuất của hộ trồng nhãn Idor ở đồng bằng sông Cửu Long	4	X	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ISSN: 1859 – 4581			15, 156-164	2021
https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/326192/CVv201S152021156.pdf								
25	Đề xuất cơ sở quy hoạch vùng trồng nấm rơm ở Đồng bằng sông Cửu Long.	8		Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp ISSN: 0866-7675			10, 1, 49-70	2021
http://websrv2.dthu.edu.vn/tckh/images/2021/Tap10So12021/51-72.pdf								
26	Quản lý chuỗi cung ứng ngành hàng cua biển vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	2		Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666			162, 12-22.	2022
https://tckhtm.tmu.edu.vn/vi/cac-so-tap-chi/nam-2022/le-ngoc-danh-va-ngo-thi-thanh-truc-quan-ly-chuoi-cung-ung-nganh-hang-cua-bien-vung-dong-bang-song-cuu-long-396.html								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
27	Phân tích mức độ tổn thương xã hội do xâm nhập mặn của các hộ sản xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	6		Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN: 0866-7608			40, 41-58	2022
http://hunre2.edu.vn/index.php/tapchikhtnmt/article/view/394/404								

- Ứng viên công bố 27 bài báo khoa học, trong đó

+ 05 bài báo khoa học (TT 1, 9, 10, 11, 12) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (WoS, ESCI, Scopus) mà ứng viên là tác giả chính sau tiến sĩ.

1. Ngo Thi Thanh Truc, Zenaida M. Sumalde, Maria Victoria O. Espaldon, Enrique P. Pacardo, Corazon L. Rapera and Florencia G. Palis (2012). Farmers' Awareness and Factors Affecting Adoption of Rapid Composting in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines. *Journal of Environmental Science and Management* 15(2):59-73. ISSN 0119-1144 (WoS, Scopus, Q4, SJR2012 = 0,124).

https://www.researchgate.net/profile/Florencia-Palis/publication/285840162_Farmers'_Awareness_and_Factors_Affecting_Adoption_of_Rapid_Composting_in_Mekong_Delta_Vietnam_and_Central_Luzon_Philippines/links/576de90408ae10de6395d6c3/Farmers-Awareness-and-Factors-Affecting-Adoption-of-Rapid-Composting-in-Mekong-Delta-Vietnam-and-Central-Luzon-Philippines.pdf

2. Ngo Thi Thanh Truc and Jan Bentzen (2021). The Tourism–Poverty Nexus: Does Tourism Spending Influence Poverty Rates? Empirical Evidence from Regional Vietnamese Data. *Journal of Poverty*, 1-13. Print ISSN: 1087-5549, Online ISSN: 1540-7608 (WoS, Scopus, Q2, IF=1,71).

<https://doi.org/10.1080/10875549.2021.2010870>.

<https://www.tandfonline.com/loi/wpov20>

3. Ngo Thi Thanh Truc, Doan Tran Oanh Bao and Do Thi Hoai Giang (2021). Farmers' behavior and intention to adopt integrated pest management in fruit: Case study in Vietnam. *Journal of the Austrian Society of Agricultural Economics*, 17(11), 755-769. ISSN: 1815-8129 E-ISSN: 1815-1027 (Scopus, Q4, SJR2021= 0,12).

<https://www.sagepublisher.com/volume/JASAE/17/11/farmers-behavior-and-intention-to-adopt-integrated-pest-management-in-fruit-case-study-in-vietnam-61b6bdcc566b9.pdf>

4. Ngo Thi Thanh Truc and Le Vinh Thuc (2022). Impact of saltwater intrusion on relation to fruit growing households in Ben Tre, Vietnam. *Agricultural and Resource Economics: International Scientific E-Journal*, 8(1868-2022-399), 133-151. ISSN: 2414-584X (ESCI, Scopus).

<https://doi.org/10.51599/are.2022.08.01.07>.

<https://are-journal.com/are/article/view/513/331>

5. Ngo Thi Thanh Truc and Le Vinh Thuc (2022). Impacts of adopting specialized agricultural programs relying on “good practice”–Empirical evidence from fruit growers in Vietnam. *Open Agriculture*, 7(1), 39-49. ISSN, 2391-9531 (WoS, Scopus, Q2, SJR2021=0,305).

<https://doi.org/10.1515/opag-2022-0069>.

<https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/opag-2022-0069/html?lang=en>

+ 02 bài báo khoa học (TT 6 và 13) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (WoS, Scopus) mà ứng viên là đồng tác giả sau tiến sĩ.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thư ký điều chỉnh CTĐT	Quyết định số 4946/QĐ-ĐHCT 30/10/2013	Trường Đại học Cần Thơ		
2	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thành viên tổ cải tiến chất lượng CTĐT	Quyết định số 68/KT, 12/03/2015	Trường Đại học Cần Thơ		
3	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thành viên tổ điều chỉnh CTĐT	Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT, 26/09/2018	Trường Đại học Cần Thơ		
4	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thành viên tổ điều chỉnh CTĐT	Quyết định số 4788/QĐ-ĐHCT, 19/01/2021	Trường Đại học Cần Thơ		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được cấp bằng tiến sĩ/bổ nhiệm PGS

- Thời gian được cấp bằng tiến sĩ: đủ

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: đủ

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy: đủ

- Hướng dẫn chính HVCH: đủ

c) Nghiên cứu khoa học

- Chủ trì nhiệm vụ KHCN: đủ

- Công trình khoa học là tác giả chính: đủ

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Ngô Thị Thanh Trúc